

CTCP XNK THỦY SẢN BẾN TRE  
AQUATEX BENTRE

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
Independence - Freedom - Happiness

Số: 85 /BC.ABT  
No.: 85/BC.ABT

Bến Tre, ngày 08 tháng 04 năm 2022  
Ben Tre, day 08 month 04 year 2022

**BÁO CÁO/ANNUAL REPORT**  
**Thường niên năm/Year 2021**

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước;  
- Sở Giao dịch chứng khoán TP. HCM  
To: - The State Securities Commission;  
- HCMC Stock Exchange.

**I. Thông tin chung/General information**

1. Thông tin khái quát/General information

- Tên giao dịch/Trading name: **Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu thủy sản Bến Tre/**  
Bentre Aquaproduct Import and Export Joint Stock Company

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số/Business Registration Certificate No.:  
1300376365 do Sở KH & ĐT Bến Tre cấp thay đổi lần 10 ngày 04/06/2019.

- Vốn điều lệ/Charter capital: 141.072.070.000 đồng

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu/Owner's capital: 418.595.693.926 đồng

- Địa chỉ/Address: Ấp 9, Xã Tân Thạch, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre.

- Số điện thoại/Telephone: 0275. 3860 265

- Số fax/Fax: 0275. 3860 346

- Website: www.aquatexbentre.com

- Mã cổ phiếu (nếu có)/Securities code (if any): ABT

- Quá trình hình thành và phát triển/Establishment and development process (ngày thành lập, thời điểm niêm yết, thời gian các mốc sự kiện quan trọng kể từ khi thành lập đến nay/Date of establishment, time of listing, and development milestones since the establishment until now).

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu thủy sản Bến Tre tiền thân là Xí nghiệp Đông lạnh 22 được UBND tỉnh Bến Tre thành lập năm 1977, cấp quản lý trực tiếp là Sở Thủy sản Bến Tre. Trong quá trình hoạt động, tên Công ty có thay đổi như sau: Từ 1977 đến 1988: Xí nghiệp Đông lạnh 22; Từ 1988 đến 1992: Liên hiệp các xí nghiệp thủy sản xuất khẩu Bến Tre; Từ 1992 đến 2003: Công ty Đông lạnh thủy sản xuất khẩu Bến Tre. Từ 2004: Công ty Đông lạnh thủy sản xuất khẩu Bến Tre được cổ phần hoá và chuyển thành Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu thủy sản Bến Tre.

- Các sự kiện khác/Other events:

Cổ phiếu Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu thủy sản Bến Tre được niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán TP. HCM từ tháng 12/2006.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh/Business lines and locations of the business:

- Ngành nghề kinh doanh/Business lines: (Nêu các ngành nghề kinh doanh hoặc sản phẩm, dịch vụ chính chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất/Specify major lines of business or products and services which account for more than 10% of the total revenue in the last 02 years).

Nuôi trồng thủy sản; Sản xuất giống thủy sản; Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản; Xuất, nhập khẩu thủy sản; Bán buôn thủy sản.

- Địa bàn kinh doanh/*Location of business*: (Nêu các địa bàn hoạt động kinh doanh chính, chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất/*Specify major locations of business which account for more than 10% of the total revenue in the last 02 years*).

Trụ sở Công ty, nhà máy chế biến trên địa bàn tỉnh Bến Tre; Vùng nuôi của Công ty tọa lạc tại tỉnh Bến Tre và tỉnh Đồng Tháp.

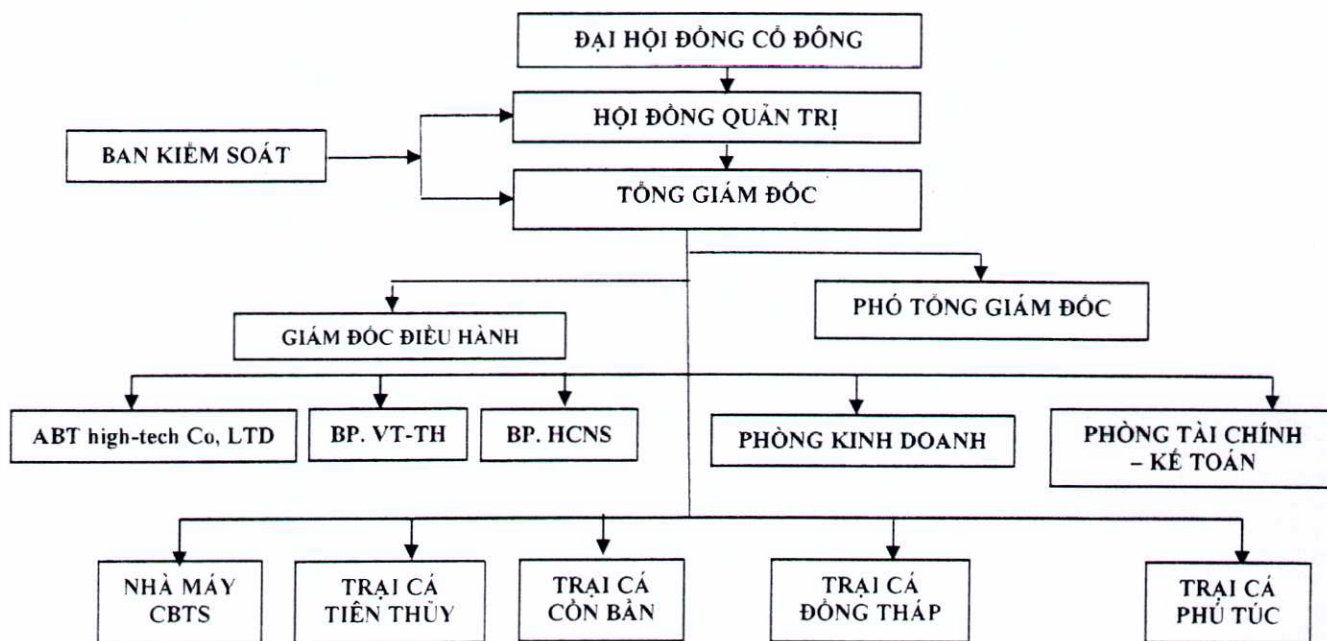
Sản phẩm của Công ty đã có mặt tại các nước: EU, Nhật, Canada, Trung Đông, Trung Quốc,...

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý/*Information about governance model, business organization and managerial apparatus*

- Mô hình quản trị (nêu rõ mô hình theo quy định tại Điều 137 Luật Doanh nghiệp)/*Governance model (as stipulated in Article 137 of the Law on Enterprises)*.

Công ty được quản lý và điều hành theo cơ cấu tổ chức gồm: Đại hội đồng cổ đông (ĐHCD), Hội đồng quản trị (HĐQT), Ban kiểm soát (BKS), Ban Tổng Giám đốc.

- Cơ cấu bộ máy quản lý/*Management structure*.



- Các công ty con, công ty liên kết/*Subsidiaries, associated companies*: (Nêu danh sách, địa chỉ, lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính, vốn điều lệ thực góp, tỷ lệ sở hữu của Công ty tại các công ty con, công ty liên kết/*Specify the names, addresses, major fields of production and business, paid-in charter capital, ownership percentages of the Company in such subsidiaries, associated companies*).

Công ty con: Công ty TNHH Thủy sản công nghệ cao AQUATEX BENTRE (ABT High-tech Co, LTD).

- Địa chỉ trụ sở chính: Ấp 9 ( thửa đất số 113, tờ bản đồ số 09), xã Tân Thạch, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

- Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: Sản xuất giống thủy sản.

- Vốn điều lệ thực góp: 10.000.000.000 đồng (Mười tỷ đồng).

- Tỷ lệ sở hữu của Công ty tại công ty con: 100%

4. Định hướng phát triển/*Development orientations*

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty/*Main objectives of the Company*.

Không ngừng cải tiến và nâng cao năng lực quản lý để giữ vững tốc độ sản xuất kinh doanh và hiệu quả hoạt động của Công ty.

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn/*Development strategies in medium and long term*.

+ Nâng cấp chất lượng, đưa hoạt động ương nuôi cá tra đạt trình độ hàng đầu Việt Nam.

+ Duy trì sản xuất đồng thời 2 nhóm sản phẩm nghêu và cá tra, mở rộng chủng loại và số lượng các mặt hàng chế biến có GTGT và hàng có chứng nhận.

+ Đầu tư về chiều sâu, tăng cường công tác sáng kiến, cải tiến kỹ thuật nhằm nâng cao năng suất- chất lượng và hiệu quả.

+ Tiếp tục hoàn thiện các qui trình kiểm soát nội bộ, tăng cường các giải pháp quản trị và quản lý tiên tiến trong toàn Công ty.

- Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty/*Corporate objectives with regard to Corporate environment, society and community Sustainability*.

Hướng đến mục tiêu phát triển bền vững, không chỉ đặt lợi nhuận lên hàng đầu, Công ty còn phải gắn liền với trách nhiệm xã hội, đảm bảo những hoạt động của mình tuân thủ theo pháp luật, các chuẩn mực đạo đức xã hội cũng như quan tâm đến lợi ích cộng đồng.

5. *Các rủi ro/Risks*: (Nêu các rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh hoặc đối với việc thực hiện các mục tiêu của của Công ty, trong đó có rủi ro về môi trường, thiên tai, dịch bệnh, ...)/*Specify the risks probably affecting the production and business operations or the realization of the Company's objectives, including environmental risks*).

Tuy ngành thủy sản Việt Nam đã xác lập được vị thế và tính cạnh tranh cao trên thị trường quốc tế và có những yếu tố hỗ trợ tốt cho những năm tới nhưng ngành thủy sản vẫn còn gặp nhiều khó khăn do những yếu tố bên ngoài và những yếu tố nội tại của ngành như các yếu tố:

#### **a/ Rủi ro kinh tế**

- Tốc độ tăng trưởng kinh tế trong nước và của các nước nhập khẩu có ảnh hưởng trực tiếp đến nhu cầu tiêu thụ thủy sản. Khi kinh tế tăng trưởng, mức tiêu thụ thủy sản của người tiêu dùng cũng tăng và ngược lại, ... do đó sẽ tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Tốc độ tăng trưởng kinh tế chung của cả nước, lãi suất tiền gửi ngân hàng, tình hình lạm phát, v.v... ảnh hưởng đến giá cả cổ phiếu của Công ty trên thị trường.

#### **b/ Rủi ro về môi trường:**

- Nghêu: Sản lượng nghêu nuôi phụ thuộc vào nguồn giống tự nhiên. Thời tiết nắng nóng kéo dài, môi trường ô nhiễm,... làm cho nghêu chết nhiều trong quá trình nuôi.

- Cá tra: Nguy cơ suy thoái môi trường, vệ sinh an toàn thực phẩm và dịch bệnh phát triển. Không xảy ra dịch bệnh lớn, nhưng bệnh cá xảy ra thường xuyên trong quá trình ương nuôi.

#### **c/ Rủi ro xuất phát từ đặc điểm kinh doanh**

- Nguyên liệu đầu vào hạch toán bằng tiền đồng nhưng doanh thu là ngoại tệ nên khi tỷ giá có biến động tăng thì doanh thu và lợi nhuận của Công ty sẽ tăng và ngược lại.

- Chi phí sản xuất ngày càng tăng, lao động có tay nghề và lao động phổ thông bị cạnh tranh trong và ngoài ngành.

#### **d/ Rủi ro về thị trường tiêu thụ**

- Việc xâm nhập vào các thị trường EU, Nhật và Mỹ vẫn còn nhiều rủi ro do sự cạnh tranh của sản phẩm cùng loại, sự thay đổi hành vi người tiêu dùng, đặc biệt là các rào cản thương mại, rào cản kỹ thuật của các nước được áp dụng mạnh hơn, trong khi rào cản cũ vẫn có thể được tiếp tục duy trì.

- Cá tra sẽ phải cạnh tranh với các sản phẩm thủy sản thịt trắng có thể được người tiêu dùng các nước chọn thay thế cá tra như cá tuyết, cá rô phi.

#### **e/ Rủi ro trong hoạt động xuất nhập khẩu**

Trong hoạt động chế biến, xuất khẩu thủy sản thường xảy ra các rủi ro như qui cách chất lượng sản phẩm không phù hợp, sản phẩm bị trả lại, bị giảm giá; các rủi ro phát sinh trong quá trình vận chuyển, phân phối sản phẩm, v.v... tác động xấu đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

#### **f/ Rủi ro về luật pháp**

Việc ban hành hoặc thay đổi chính sách, quy định mới,... liên quan đến hoạt động của ngành có thể ảnh hưởng tới Công ty.

## g/ Rủi ro khác

Một số rủi ro mang tính bất khả kháng ít có khả năng xảy ra nhưng nếu xảy ra thì sẽ tác động đến tình hình kinh doanh của Công ty. Đó là những hiện tượng thiên tai (hạn mặn, bão lụt, động đất, v.v...), chiến tranh hay dịch bệnh hiểm nghèo trên quy mô lớn.

## II. Tình hình hoạt động trong năm/*Operations in the Year*

### 1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh/*Situation of production and business operations*

-Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm/*Results of business operations in the year:*  
Nêu các kết quả đạt được trong năm. Nêu những thay đổi, biến động lớn về chiến lược kinh doanh, doanh thu, lợi nhuận, chi phí, thị trường, sản phẩm, nguồn cung cấp,... /*Specify the results achieved for the year. Specify major changes and movements in business strategy, revenue, profits, costs, markets, products, supplies, etc.*

-Tình hình thực hiện so với kế hoạch/*Implementation situation/actual progress against the plan:*  
So sánh kết quả đạt được trong năm so với các chỉ tiêu kế hoạch và các chỉ tiêu năm liền kề. Phân tích cụ thể nguyên nhân dẫn đến việc không đạt/đạt/vượt các chỉ tiêu so với kế hoạch và so với năm liền kề/*Comparing the actual progress with the targets and the results of the preceding years. Analyzing specific reasons of the unachievement/achievement/excess of the targets and against the preceding years.*

Bảng: Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm và tình hình thực hiện so với kế hoạch

<i>Stt</i>	<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Kế hoạch năm 2021</i>	<i>Thực hiện năm 2021</i>	<i>% tăng, giảm so năm 2020</i>	<i>% đạt so kế hoạch năm 2021</i>
1	Thành phẩm thủy sản	6.500 tấn	6.185 tấn	+2,8%	95,15%
2	Doanh thu thuần	410 tỷ đồng	341,64 tỷ đồng	+7%	83,32%
3	Lợi nhuận trước thuế	35 tỷ đồng	36,37 tỷ đồng	+122%	103,91%
4	Lợi nhuận sau thuế		33,79 tỷ đồng	+137%	
5	Tỷ lệ cổ tức	10-20%	Dự kiến 20%		
6	Lãi cơ bản trên CP		2.920 đồng		
7	Trích quỹ phúc lợi	5% lợi nhuận sau thuế	1,67 tỷ đồng		

### 2. Tổ chức và nhân sự/*Organization and Human resource*

-Danh sách Ban điều hành/*List of the Board of Management:* (Danh sách, tóm tắt lý lịch và tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành của Tổng Giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các cán bộ quản lý khác/*List, curriculum vitae and ownership percentage of the Company's voting shares and other securities by the Company's General Director, Deputy General Directors, Chief Accountant and other managers.*

#### + Ông **Phan Hữu Tài** - Tổng Giám đốc

- Ngày sinh: 04/10/1977
- Nơi sinh: Bến Tre
- Địa chỉ thường trú: Xã Hữu Định, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế ngoại thương
- Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần, chiếm 0% số cổ phần có quyền biểu quyết
- Số cổ phần của những người có liên quan: Bà Trịnh Hồng Nhiên (Vợ) - Số cổ phần nắm giữ: 1.000 cổ phần (0,01% số cổ phần có quyền biểu quyết)

#### + Ông **Bùi Kim Hiếu** - Phó Tổng Giám đốc

- Ngày sinh: 28/08/1971
- Nơi sinh: Bến Tre
- Địa chỉ thường trú: Xã Châu Hòa, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Thủy sản, Cử nhân Quản trị kinh doanh
- Số cổ phần nắm giữ: 23.088 cổ phần, chiếm 0,16% số cổ phần có quyền biểu quyết
- Số cổ phần của những người có liên quan: Không có

+ Bà **Nguyễn Thị Ngọc Lê** - Kế toán trưởng

- Ngày sinh: 17/12/1963

- Nơi sinh: Bến Tre

- Địa chỉ thường trú: Xã Tân Thạch, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre

- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính kế toán

- Số cổ phần nắm giữ: 6 cổ phần, chiếm 0% số cổ phần có quyền biểu quyết

- Số cổ phần của những người có liên quan: không có

- Những thay đổi trong ban điều hành/*Changes in the Board of Management*: (Liệt kê các thay đổi trong Ban điều hành trong năm)/(*List the changes in the Board of Management in the year*). Bà Nguyễn Thị Ngọc Lê - Kế toán trưởng nghỉ việc theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 04/NQ.ABT ngày 28/03/2022 v/v miễn nhiệm chức vụ Kế toán trưởng đối với bà Nguyễn Thị Ngọc Lê để nghỉ hưu kể từ ngày 31/03/2022.

- Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động/*Number of staffs. Brief information and changes on the employee's policies.*

+ Số lượng cán bộ, nhân viên: 547 người (đến 31/12/2021)

+ Tóm tắt chính sách: Công ty thực hiện tốt các chế độ chính sách theo đúng các qui định của pháp luật, chăm lo tốt đời sống vật chất, tinh thần và sức khỏe cho người lao động. Chính sách phúc lợi và các đãi ngộ khác như khám sức khỏe định kỳ, cấp tiền tham quan nghỉ mát, chính sách thai sản,... cũng được Công ty thực hiện tốt nhằm thể hiện sự gắn kết, quan tâm của Công ty đối với người lao động và nâng cao tính cạnh tranh về nhân lực của Công ty.

+ Thay đổi trong chính sách đối với người lao động: không có.

3. *Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án/Investment activities, project implementation*

a) Các khoản đầu tư lớn/*Major investments*: Nêu các khoản đầu tư lớn được thực hiện trong năm (bao gồm các khoản đầu tư tài chính và các khoản đầu tư dự án), tình hình thực hiện các dự án lớn. Đối với trường hợp công ty đã chào bán chứng khoán để thực hiện các dự án, cần nêu rõ tiến độ thực hiện các dự án này và phân tích nguyên nhân dẫn đến việc đạt/không đạt tiến độ đã công bố và cam kết)/*Specify major investments implemented for the year (including financial investments and project investment), the implementation progress of major projects. If the Company has conducted public offering for the projects, it is necessary to indicate the progress of implementation of the projects and analyze the reasons incase of achievement/failure to achieve the announced and committed targets.*

Dự án đầu tư thực hiện trong năm: Xây dựng kho lạnh bảo quản thành phẩm 1.500 tấn. Dự toán đầu tư: 15.000.000.000 đồng. Đã giải ngân: 14.295.793.298 đồng.

b) Các công ty con, công ty liên kết/*Subsidiaries, associated companies*: (Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty con, công ty liên kết)/(*Summarizing the operations and financial situation of the subsidiaries, associated companies*).

- Công ty liên kết: không có.

- Công ty con: Công ty TNHH Thủy sản công nghệ cao AQUATEX BEN TRE.

Công ty con hoạt động chuyên về sản xuất cá tra giống với tình hình tài chính lành mạnh.

4. *Tình hình tài chính/Financial situation*

a) *Tình hình tài chính/Financial situation*

<b>Chỉ tiêu/Indicators</b> <i>Đối với tổ chức không phải là tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng/Applicable for organization other than credit institutions and non-bank financial institutions:</i>	<b>Năm/ Year 2020</b>	<b>Năm/ Year 2021</b>	<b>% tăng giảm/% change</b>
Tổng giá trị tài sản/ <i>Total asset</i>	543.675.163.240	594.273.998.812	+9%
Doanh thu thuần/ <i>Net revenue</i>	318.110.066.173	341.647.434.418	+7%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ <i>Profit</i>	15.267.698.780	35.472.571.270	+132%

<i>from business activities</i>			
Lợi nhuận khác/ <i>Other profits</i>	1.097.561.286	906.134.992	-17%
Lợi nhuận trước thuế/ <i>Profit before tax</i>	16.365.260.066	36.378.706.262	+122%
Lợi nhuận sau thuế/ <i>Profit after tax</i>	14.288.053.557	33.793.208.794	+137%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức/ <i>Payout ratio</i>	80,47%		

- Các chỉ tiêu khác/*Other figures*: (tùy theo đặc điểm riêng của ngành, của công ty để làm rõ kết quả hoạt động kinh doanh trong hai năm gần nhất/*depending on the specific characteristics of the industry and of the Company to clarify the company's operating results for the last two years*).

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu/*Major financial indicators*:

Chỉ tiêu/ <i>Indicators</i>	Năm/Year 2020	Năm/Year 2021	Ghi chú/ <i>Note</i>
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán/ <i>Solvency ratio</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn/ <i>Current ratio</i> : Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn ( <i>Short term Asset/Short term debt</i> )	2,01	1,72	
+ Hệ số thanh toán nhanh/ <i>Quick ratio</i> : (Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn ( <i>Short term Asset - Inventories/Short term Debt</i> )	0,8	0,69	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn/ <i>capital structure Ratio</i>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản ( <i>Debt/Total assets ratio</i> )	0,24	0,30	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu ( <i>Debt/Owner's Equity ratio</i> )	0,32	0,42	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động/ <i>Operation capability Ratio</i>			
+ Vòng quay hàng tồn kho/ <i>Inventory turnover</i> : Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân ( <i>Cost of goods sold/Average inventory</i> )	1,77	1,67	
+ Vòng quay tổng tài sản/ <i>Total asset turnover</i> : Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân ( <i>Net revenue/Average Total Assets</i> )	0,59	0,60	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời/ <i>Profitability</i>			
+Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần ( <i>profit after tax/Net revenue Ratio</i> )	0,04	0,10	
+Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu ( <i>profit after tax/total capital Ratio</i> )	0,03	0,08	
+Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản ( <i>profit after tax/Total assets Ratio</i> )	0,03	0,06	
+Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần ( <i>Profit from business activities/Net revenue Ratio</i> )	0,05	0,10	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu/*Shareholders structure, change in the owner's equity*.

a) Cổ phần/*Shares*: Nêu tổng số cổ phần và loại cổ phần đang lưu hành, số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do và số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định pháp luật, Điều lệ công ty hay cam kết của người sở hữu. Trường hợp công ty có chứng khoán giao dịch tại nước ngoài hay bảo trợ việc phát hành và niêm yết chứng khoán tại nước ngoài, cần nêu rõ thị trường giao dịch, số lượng chứng khoán được giao dịch hay được bảo trợ và các thông tin quan trọng liên quan đến quyền, nghĩa vụ của công ty liên quan đến chứng khoán giao dịch hoặc được bảo trợ tại nước

ngoài/Specify total number and types of floating shares, number of freely transferable shares and number of preferred shares in accordance with the law, the Company's Charter and commitments of the owner. Where the company has securities traded in foreign countries or underwritten the issuance and listing of securities in foreign countries, it is required to specify the foreign markets, the number of securities to be traded or underwritten and important information concerning the rights and obligations of the company related to the securities traded or underwritten in foreign countries.

- Số lượng cổ phần đang lưu hành: 11.497.257 cổ phần
- Loại cổ phần đang lưu hành: cổ phần phổ thông
- Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng: 0 cổ phần
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 11.497.257 cổ phần
- Số lượng cổ phiếu quỹ: 2.609.950

b) Cơ cấu cổ đông/Shareholders structure: Nêu cơ cấu cổ đông phân theo các tiêu chí tỷ lệ sở hữu (cổ đông lớn, cổ đông nhỏ); cổ đông tổ chức và cổ đông cá nhân; cổ đông trong nước và cổ đông nước ngoài, cổ đông nhà nước và các cổ đông khác, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/Specify shareholders structure by ownership percentages (major, minority shareholders); institutional and individual shareholders; domestic and foreign shareholders; State and other shareholders; foreign shareholder's maximum percentages.

Stt	Danh mục	Số cổ phần	%	Số lượng cổ đông	Cơ cấu cổ đông	
					Tổ chức	Cá nhân
1	<b>Cổ đông bên trong:</b>					
	HĐQT					
	BKS	708	0,005	1		1
	Ban Tổng Giám đốc	23.088	0,163	1		1
2	<b>Cổ đông bên ngoài:</b>					
	Trong nước	13.834.986	98,07	845	39	806
3	Ngoài nước	248.425	1,76	94	10	84
	<b>Cộng:</b>	<b>14.107.207</b>	<b>100</b>	<b>941</b>	<b>49</b>	<b>892</b>

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu/Change in the owner's equity: Nêu các đợt tăng vốn cổ phần kể từ khi thành lập bao gồm các đợt chào bán ra công chúng, chào bán riêng lẻ, chuyển đổi trái phiếu, chuyển đổi chứng quyền, phát hành cổ phiếu thưởng, trả cổ tức bằng cổ phiếu v.v (thời điểm, giá trị, đối tượng chào bán, đơn vị cấp)/Specify equity increases including public offerings, private offerings, bond conversions, warrant conversions, issuance of bonus shares, shares dividend, etc. Không có.

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ/Transaction of treasury stocks: Nêu số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại, liệt kê các giao dịch cổ phiếu quỹ đã thực hiện trong năm bao gồm thời điểm thực hiện giao dịch, giá giao dịch và đối tượng giao dịch/Specify number of existing treasury stocks, list transactions of treasury stocks conducted for the year including trading times, prices and counter parties. Không có.

e) Các chứng khoán khác/Other securities: nêu các đợt phát hành chứng khoán khác đã thực hiện trong năm. Nêu số lượng, đặc điểm các loại chứng khoán khác hiện đang lưu hành và các cam kết chưa thực hiện của công ty với cá nhân, tổ chức khác (bao gồm cán bộ công nhân viên, người quản lý của công ty) liên quan đến việc phát hành chứng khoán/Specify other securities issues conducted during the year. Specify the number, characteristics of other types of floating securities and outstanding commitments of the Company to other individuals, organizations (including Company's staffs and managers) related to the securities issues. Không có.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty/Environment-Social-Governance (ESG) Report of the Company

6.1. Tác động lên môi trường:

Tổng phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp và gián tiếp/*Total direct and indirect GHG emission*: 5.100 tấn CO<sub>2</sub> phát thải.

Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính/*Measures and initiatives to reduce GHG emission*.

- Sắp xếp lại dây chuyền sản xuất để tiêu thụ ít năng lượng hơn, giảm phát thải khí nhà kính.
- Nâng cấp trang thiết bị- công nghệ làm giảm tiêu thụ năng lượng.
- Xây dựng quy trình ương, nuôi thả ra ít chất thải nuôi cá.
- Tăng cường sử dụng các loại nhiên liệu tái tạo, nhiên liệu thân thiện môi trường.
- Tham gia các chương trình trồng cây, lắp đặt thiết bị năng lượng điện mặt trời để giảm lượng khí nhà kính đã thải ra.
- Tuyên truyền tiết kiệm năng lượng, nguyên vật liệu sản xuất có thể làm gia tăng chất thải hữu cơ và phát thải khí nhà kính.

#### 6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu/*Management of raw materials*:

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm/*The total amount of raw materials used for the manufacture and packaging of the products as well as services of the organization during the year*. Thùng carton: 309 tấn; Túi PE: 50, 2 tấn; Túi PA-PE: 100 tấn.

b) Báo cáo tỷ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức/*The percentage of materials recycled to produce products and services of the organization*. Không có.

#### 6.3. Tiêu thụ năng lượng/*Energy consumption*:

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp/*Energy consumption - directly and indirectly*.

Điện: 5.498.000 KW; Xăng: 510 lít; Dầu FO: 90.934 lít; Dầu DO: 37.540 lít

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả/*Energy savings through initiatives of efficiently using energy*. Không có.

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này/*The report on energy saving initiatives (providing products and services to save energy or use renewable energy); report on the results of these initiatives*. Không có.

6.4. Tiêu thụ nước: (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm)/*Water consumption (water consumption of business activities in the year)*

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng/*Water supply and amount of water used*.

Nguồn cung cấp nước cho chế biến thủy sản: nước ngầm; Lượng nước sử dụng: 63.477 m<sup>3</sup>.

Nguồn cung cấp nước cho nuôi thủy sản: nước sông; Lượng nước sử dụng: 340.000 m<sup>3</sup>

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng/*Percentage and total volume of water recycled and reused*.

6.5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường/*Compliance with the law on environmental protection*:

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường/*Number of times the company is fined for failing to comply with laws and regulations on environment*. Không có.

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường/*The total amount to be fined for failing to comply with laws and regulations on the environment*. Không có.

#### 6.6. Chính sách liên quan đến người lao động/*Policies related to employees*

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động/*Number of employees, average wages of workers*.

Số lượng lao động: 547 người; mức lương trung bình đối với người lao động: 8.587.000 đồng/người/tháng.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động/*Labor policies to ensure health, safety and welfare of workers*.



Công ty thực hiện các chế độ chính sách theo đúng các qui định của pháp luật, chăm lo tốt đời sống vật chất, tinh thần và sức khỏe cho người lao động. Chính sách phúc lợi và các đãi ngộ khác như khám sức khỏe định kỳ, cấp tiền tham quan nghỉ mát, chính sách thai sản,... cũng được Công ty thực hiện tốt nhằm thể hiện sự gắn kết, quan tâm của Công ty đối với người lao động và nâng cao tinh thần cạnh tranh về nhân lực của Công ty.

c) Hoạt động đào tạo người lao động/*Employee training*

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên/*The average number of training hours per year, according to the staff and classified staff.*

Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên là 1.896 giờ/năm, theo phân loại nhân viên (quản lý: 96 giờ; công nhân trực tiếp sản xuất: 1.800 giờ).

- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp/*The skills development and continuous learning program to support workers employment and career development.* Không có.

6.7. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương/*Report on responsibility for local community.*

Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng/*The community investments and other community development activities, including financial assistance to community service.*

Hỗ trợ tài chính cho công tác phòng chống dịch Covid- 19 của huyện Châu Thành - tỉnh Bến Tre: 50.000.000 đồng.

6.8. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN/*Report on green capital market activities under the guidance of the SSC.* Không có.

**III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc/*Reports and assessments of the Board of Management (Ban Giám đốc báo cáo và đánh giá về tình hình mọi mặt của công ty/the Board of Management reports and assesses the Company's situation through every facet)***

Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau/*The Board of Management's reports and assessments shall include at least the following contents:*

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh/*Assessment of operating results*

- Phân tích tổng quan về hoạt động của công ty so với kế hoạch/dự tính và các kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trước đây. Trường hợp kết quả sản xuất kinh doanh không đạt kế hoạch thì nêu rõ nguyên nhân và trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với việc không hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh (nếu có)/*General analysis of company's operations against the previous operating targets and results. In case of failing to meet the operating results and targets, the Board of Management must clearly state the reasons and their responsibilities for such results (if any).*

Trong bối cảnh hết sức khó khăn do dịch bệnh Covid- 19, trên cơ sở phát huy tối đa những thuận lợi, cố gắng khắc phục tốt các khó khăn, Công ty Cổ phần XNK thủy sản Bến Tre đã thích ứng nhanh nhạy, vừa phòng chống dịch hiệu quả, vừa giữ vững được hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Những tiến bộ công ty đã đạt được/*The Company's achievements.*

+ Kết hợp giữa ương cá bột dưới ao đất và ương cá hương trên bề lót bạt, bể composite trong nhà màng nhằm tăng số lượng, chất lượng và giảm chi phí cá ương.

+ Điều hành sản xuất chuyên theo từng khu vực, bố trí dây chuyền ngăn nắp, chuyển đổi từ trả công theo giờ sang trả công theo thành phẩm, áp dụng các quy định về thưởng năng suất, công điểm,...

+ Các máy móc thiết bị mới lắp đặt đi vào vận hành ổn định như: tải fillet, tải rửa cá fillet, tải phế liệu, cân phân loại, cân túi lẻ,...Đưa vào sử dụng kho bảo quản thành phẩm mới 1.500 tấn hiện đại với nhà bao che, vỏ pa-nel, phòng đệm, kệ kho, xe nâng và robot hoàn chỉnh.

2. Tình hình tài chính/*Financial Situation*

a) Tình hình tài sản/*Assets*

Phân tích tình hình tài sản, biến động tình hình tài sản (phân tích, đánh giá hiệu quả sử dụng tài sản và nợ phải thu quá hạn ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh)/*Analysis of assets and changes in assets (analysis and assessment of the efficiency of assets usage and bad receivable debts that affect operating results)*.

- Tài sản ngắn hạn:

+ Cuối năm 2021 tình hình tài sản ngắn hạn đạt 295,3 tỷ đồng, tăng so với cùng kỳ năm trước với mức tăng hơn 14%. Trong đó biến động đáng chú ý ở một số chỉ tiêu như tiền và các khoản tiền gửi có kỳ hạn tăng 7% với mức tăng 4,2 tỷ đồng; chỉ tiêu các khoản phải thu ngắn hạn tăng hơn 29% từ 37,9 tỷ đồng tăng lên mức 49 tỷ đồng do thời điểm quý 4 xuất khẩu tăng mạnh số dư phần lớn của các đơn hàng xuất khẩu có thời hạn thanh toán 60 - 90 ngày và các khoản trả trước cho nhà cung cấp tăng mạnh chủ yếu là khoản ứng trước tiền mua TSCĐ cho các hạng mục đầu tư mới trong năm 2021; hàng tồn kho tăng 14% với mức tăng gần 21,7 tỷ đồng trong đó tăng chủ yếu là chi phí dở dang các ao nuôi do thời điểm giữa năm 2021 tình hình dịch bệnh Covid- 19 diễn biến phức tạp, sản xuất cá bị chậm lại nên sản lượng cá dưới ao tăng ở thời điểm cuối năm, số dư các khoản dự phòng hàng tồn kho cuối năm cũng giảm đáng kể so với năm trước.

+ Tuy nhiên, về cơ cấu tài sản ngắn hạn tại thời điểm cuối năm 2021 không có nhiều biến động so với cùng kỳ năm trước, tiền và các khoản tương đương tiền luôn chiếm ở mức 23%, hàng tồn kho chiếm 60% (năm 2020 - 60%), các khoản phải thu năm nay tăng chiếm gần 17%. Các tài sản ngắn hạn khác chiếm hơn 1%. Tính thanh khoản của Công ty cao do các khoản tiền, tiền gửi ngân hàng kỳ hạn chiếm tỷ lệ cao, hệ số thanh toán nợ hiện hành đạt mức 1,72 lần.

- Tài sản dài hạn: tài sản dài hạn của Công ty tăng 5% so với cuối năm 2020 chủ yếu tăng ở chi tiêu chi phí xây dựng cơ bản dở dang do trong năm 2021 Công ty đẩy mạnh đầu tư mới, cải tiến, nâng cấp nhiều máy móc thiết bị phục vụ sản xuất.

b) Tình hình nợ phải trả/*Debt Payable*

- Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ/*Current debts, major changes of debts*.

- Phân tích nợ phải trả quá hạn, ảnh hưởng chênh lệch của tỉ lệ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay/*Analysis of bad debts, impacts of the exchange rate changes on operating results of the Company and impacts of lending rate changes*.

- Tình hình nợ phải trả: Nợ ngắn hạn cuối năm 2021 của Công ty là 175 tỷ đồng, tăng 32% so với đầu năm phần lớn là số dư khoản vay ngắn hạn, phải trả nhà cung cấp tăng chủ yếu là nợ phải trả thức ăn, các khoản phải trả ngắn hạn khác tăng mạnh trong đó phần lớn là khoản phải trả cổ tức đợt 1/2021 được trích theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 06/NQ.ABT ngày 28/12/2021. Khoản nợ dài hạn của Công ty là dự phòng trợ cấp thôi việc được trích lập theo Luật Lao động.

3. *Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý/Improvements in organizational structure, policies, and management.*

- Giải thể bộ phận thống kê để sáp nhập vào tổ chuyên kho.

- Đưa vào hoạt động Trại nuôi Đòng Tháp diện tích 61.632,1 m<sup>2</sup>.

4. *Kế hoạch phát triển trong tương lai/Development plans in future*

- Tân dụng tối đa nguồn lực để tăng sản lượng cá giống lên gấp đôi.

- Cải thiện chất lượng vi sinh cho khu vực ương và nuôi cá.

- Tiếp tục đầu tư cải tạo nhà máy theo hướng tự động hóa và số hóa.

- Phát triển các sản phẩm giá trị gia tăng, đặc biệt là sản phẩm bao bột và chiên.

- Tập trung tìm kiếm, phát triển thị trường hàng giá trị gia tăng.

- Xây dựng hệ thống xử lý nước thải công suất 1.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

5. *Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có) - (Trường hợp ý kiến kiểm toán không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần)/Explanation of the Board of Management for auditor's opinions (if any) - (In case the auditor's opinions are not unqualified)*. Không có.

6. *Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty/Assessment Report related to environmental and social responsibilities of the Company*

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...)/*Assessment concerning the environmental indicators (water consumption, energy, emissions, etc.)*.

Thực hiện đúng theo quy định của Nhà nước.

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động/*Assessment concerning the labor issues*

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương/*Assessment concerning the corporate responsibility for the local community*

Công ty duy trì thực hiện trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương.

#### **IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty (đối với công ty cổ phần)/*Assessments of the Board of Directors on the Company's operation (for joint stock companies)***

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội/*Assessments of the Board of Directors on the Company's operation, including the assessment related to environmental and social responsibilities.*

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2021 phù hợp với tình hình kinh tế trong và ngoài nước; tuân thủ và chấp hành nghiêm các quy định của pháp luật đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh an toàn và đạt hiệu quả.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty/*Assessment of Board of Directors on Board of Management's performance*

- Ban Giám đốc công ty đã tổ chức triển khai và thực hiện các Nghị quyết của ĐHCĐ và HĐQT đầy đủ, kịp thời, theo đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được quy định trong Điều lệ, đảm bảo điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh an toàn và đạt hiệu quả.

- Ban Giám đốc công ty đã tuân thủ tốt điều lệ và các quy chế, quy trình quản lý nội bộ phù hợp với quy định của pháp luật về quản trị công ty đại chúng.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị/*Plans and orientations of the Board of Directors*

- Doanh thu thuần: 520 tỷ đồng
- Lợi nhuận trước thuế: 50 tỷ đồng
- Chia cổ tức: 20 - 30%
- Trích quỹ phúc lợi: 5% lợi nhuận sau thuế

#### **V. Quản trị công ty/*Corporate governance***

1. Hội đồng quản trị/*Board of Directors*

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị/*Members and structure of the Board of Directors*: (danh sách thành viên Hội đồng quản trị, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành, nêu rõ thành viên độc lập và các thành viên khác; số lượng chức danh thành viên Hội đồng quản trị, chức danh quản lý do từng thành viên Hội đồng quản trị của công ty nắm giữ tại các công ty khác/*(the list of members of the Board of Directors, ownership percentages of voting shares and other securities issued by the company, the list of independent members and other members; the list of positions that a member of the Board of Directors at the Company hold at other companies)*).

Stt	Cơ cấu Hội đồng quản trị	Tỷ lệ sở hữu CP có quyền biểu quyết	Thành viên HĐQT		Số lượng chức danh thành viên HĐQT nắm giữ tại các công ty khác
			Không điều hành	Độc lập	
1	Ông Nguyễn Văn Khải - Chủ tịch HĐQT	0%	X		
2	Ông Phan Hữu Tài	0%			0
3	Ông Hồ Quốc Lực	0%		X	2

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị/*The committees of the Board of Directors*: (Liệt kê các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị và thành viên trong từng tiểu ban/*The list of the subcommittees of the Board of Directors and list of members of each subcommittee*). Không có.

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị/*Activities of the Board of Directors*: đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp Hội đồng quản trị, nội dung và kết quả của các cuộc họp/*Assessing activities of the Board of Directors and specifying the number of Board of Directors meetings, their contents and results*.

- Hoạt động của HĐQT: Giám sát Ban Tổng Giám đốc, Trưởng các phòng ban, Nhà máy và các Trại nuôi trực thuộc trong việc thực hiện các qui định về quản trị Công ty và trong điều hành công việc sản xuất kinh doanh hàng ngày.

- Các cuộc họp HĐQT/*Meetings of the Board of Directors*:

Stt No.	Thành viên HĐQT/ <i>Board of Director' member</i>	Số buổi họp HĐQT tham dự/ <i>Number of meetings attended by Board of Directors</i>	Tỷ lệ tham dự họp/ <i>Attendance rate</i>	Lý do không tham dự họp/ <i>Reasons for absence</i>
1	Ông Nguyễn Văn Khải	6/6	100%	
2	Ông Phan Hữu Tài	6/6	100%	
3	Ông Hồ Quốc Lực	6/6	100%	

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập/*Activities of the Board of Directors' independent members*. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị/*Activities of the Board of Directors' subcommittees*: (đánh giá hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của từng tiểu ban, nội dung và kết quả của các cuộc họp/*assessing activities of the subcommittees of the Board of Directors, specifying the number of meetings of each subcommittee, their contents and results*).

- Thành viên HĐQT độc lập vừa tham gia các hoạt động chung của HĐQT và trực tiếp theo dõi, giám sát công tác quản lý của Ban điều hành.

- HĐQT không thành lập các tiểu ban do cơ cấu tổ chức Công ty được tổ chức theo hướng tích hợp các chức năng kiểm soát, quản trị rủi ro vào chính các phòng nghiệp vụ. Các phòng nghiệp vụ của Công ty chịu trách nhiệm cung cấp thông tin và báo cáo cho HĐQT theo yêu cầu thông qua kênh liên lạc là Thư ký Công ty. HĐQT phân công cho thành viên HĐQT theo dõi, phụ trách một số mặt công tác của Công ty trong từng thời điểm.

e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm/*The list of members of the Board of Directors possessing certificates on corporate governance. The list of members of the Board of Directors participating in corporate governance training programs in the year*.

- Thành viên HĐQT có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty: Ông Nguyễn Văn Khải.

- Thành viên HĐQT tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm: Không có

## 2. Ban Kiểm soát/Ủy ban kiểm toán/*Board of Supervisors/Audit Committee*

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát/Ủy ban kiểm toán/*Members and structure of the Board of Supervisors/Audit Committee*: (danh sách thành viên Ban kiểm soát, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành/*The list of members of the Board of Supervisors, ownership percentages of voting shares and other securities issued by the company*).

Stt	Thành viên BKS	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu CP có quyền biểu quyết
1	Bà Đặng Thị Bích Liên	Trưởng BKS	0,006%

2	Ông Phạm Tiến Đắc	Thành viên (Từ nhiệm từ ngày 27/01/2022)	0%
3	Ông Nguyễn Văn Nguyên	Thành viên	0%

b) Hoạt động của Ban kiểm soát/Ủy ban kiểm toán/*Activities of the Board of Supervisors/Audit Committee*: (đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát/Ủy ban kiểm toán, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của Ban kiểm soát/Ủy ban kiểm toán, nội dung và kết quả của các cuộc họp/*Assessing activities of the Board of Supervisors/Audit Committee, specifying the number of Board of Supervisors'/Audit Committee's meetings, their contents and results*).

- Thành viên BKS kiểm tra giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính hàng quý, việc tuân thủ Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, Nghị quyết ĐHCĐ, hoạt động của HĐQT, Ban điều hành, chính sách cho người lao động, mua sắm máy móc và các vấn đề có liên quan.

- Cuộc họp của BKS/*Meetings of Board of Supervisors*:

Stt No.	Thành viên BKS/ <i>Members of Board of Supervisors</i>	Số buổi họp tham dự <i>Number of meetings attended</i>	Tỷ lệ tham dự họp <i>Attendance rate</i>	Tỷ lệ biểu quyết <i>Voting rate</i>	Lý do không tham dự họp <i>Reasons for absence</i>
1	Bà Đặng Thị Bích Liên	3/3	100%	100%	
2	Ông Phạm Tiến Đắc	3/3	100%	100%	
3	Ông Nguyễn Văn Nguyên	3/3	100%	100%	

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát/Ủy ban kiểm toán/*Transactions, remunerations and benefits of the Board of Directors, Board of Management and Board of Supervisors/Audit Committee*

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích/*Salary, rewards, remuneration and benefits*: (Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho từng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát/Ủy ban kiểm toán, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý. Giá trị các khoản thù lao, lợi ích và chi phí này phải được công bố chi tiết cho từng người, ghi rõ số tiền cụ thể. Các khoản lợi ích phi vật chất hoặc các khoản lợi ích chưa thể/không thể lượng hóa bằng tiền cần được liệt kê và giải trình đầy đủ/*Salary, rewards, remuneration and other benefits and expenses for each member of the Board of Directors, the Board of Supervisors/Audit Committee, Director and General Director and managers. Values of such remuneration, benefits and expenses shall be disclosed in details for each person. Non-material benefits which have not been/cannot be quantified by cash shall be listed and explained*).

Stt	Họ tên	Chức vụ	Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác
1	Ông Nguyễn Văn Khải	Chủ tịch HĐQT	81.000.000
2	Ông Phan Hữu Tài	Thành viên HĐQT/Tổng Giám đốc	1.069.014.168
3	Ông Hồ Quốc Lực	Thành viên HĐQT	86.400.000
4	Ông Bùi Kim Hiếu	Phó Tổng Giám đốc/Cán bộ quản trị	659.060.418
5	Bà Đặng Thị Bích Liên	Trưởng BKS	60.000.000
6	Ông Phạm Tiến Đắc	Thành viên BKS	24.000.000
7	Ông Nguyễn Văn Nguyên	Thành viên BKS	16.000.000

b) Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ/*Share transactions by internal shareholders*: (Thông tin về các giao dịch cổ phiếu của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát/Ủy ban

kiểm toán, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Kế toán trưởng, các cán bộ quản lý, Thư ký công ty, cổ đông lớn và những người liên quan tới các đối tượng nói trên/*Information about share transactions of members of Board of Directors, members of the Board of Supervisors/Audit Committee, Director (General Director), Chief Accountant, the company's managers, secretaries, major shareholders and their affiliated persons*). Không có.

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ/*Contracts or transactions with internal shareholders*: Thông tin về hợp đồng, hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đã được thực hiện trong năm với công ty, các công ty con, các công ty mà công ty nắm quyền kiểm soát của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát/Ủy ban kiểm toán, Giám đốc (Tổng Giám đốc), các cán bộ quản lý và những người liên quan tới các đối tượng nói trên/*Information about the contracts, or transactions signed or executed in the year by the members of the Board of Directors, Board of Supervisors/Audit Committee, Director (General Director), managers and affiliated persons with the Company, subsidiaries, and other companies in which the Company holds the control right*.

Stt/ No.	Người thực hiện giao dịch/ Transaction executor	Số giấy NSH	Nội dung giao dịch/ Content of transaction	Giá trị giao dịch/ Total value of transaction (VNĐ)
1	Công ty CP thực phẩm Sao Ta	2200208753	Cổ tức	16.178.000.000
2	Công ty CP thực phẩm Sao Ta	2200208753	Mua hàng hóa	3.242.039.250
3	Công ty CP chế biến hàng XK Long An	1100107301	Bán hàng hóa	62.221.000
4	Công ty CP chế biến hàng XK Long An	1100107301	Mua hàng hóa	15.172.500
5	Công ty CP Thủy sản 584 Nha Trang	4200636551	Mua hàng hóa	36.878.911
6	Công ty CP Tập đoàn PAN	0301472704	Mua hàng hóa	180.000.000
7	Công ty TNHH thủy sản công nghệ cao AQUATEX BENTRE	1301083932	Mua hàng hóa	1.026.946.000
8	Công ty TNHH thủy sản công nghệ cao AQUATEX BENTRE	1301083932	Bán hàng hóa	821.566.480

d) Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty/*Assessing the implementation of regulations on corporate governance*: (Nêu rõ những nội dung chưa thực hiện được theo quy định pháp luật về quản trị công ty. Nguyên nhân, giải pháp và kế hoạch khắc phục/kế hoạch tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị công ty/*Specifying the contents which have not been implemented in accordance with the laws on corporate governance. Specifying reasons and solutions to improve the efficiency of corporate governance*).

- Những nội dung chưa thực hiện được theo quy định của pháp luật về quản trị công ty: thành lập các tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị độc lập phụ trách vấn đề lương thưởng, nhân sự. Kế hoạch khắc phục: sau khi bầu HĐQT nhiệm kỳ mới 2022- 2026.

- Kế hoạch tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị công ty:

+ HĐQT duy trì nề nếp hoạt động thường xuyên, phù hợp quy định tại Điều lệ và Quy chế Quản trị Công ty, đảm bảo yêu cầu về số lượng cuộc họp và số thành viên tham dự để đáp ứng tính pháp lý và hiệu quả cuộc họp.

+ HĐQT, BKS và Ban Tổng Giám đốc Công ty thường xuyên phối hợp để ban hành các chủ trương, chính sách mới trong công tác quản lý điều hành và triển khai thực hiện nghị quyết của ĐHCĐ và HĐQT.

+ BKS thường xuyên phối hợp cùng HĐQT và Ban Tổng Giám đốc Công ty về việc tuân thủ điều lệ, nội quy và quy chế hoạt động.

## **VI. Báo cáo tài chính/Financial statements**

1. *Ý kiến kiểm toán/Auditor's opinions (Theo Báo cáo kiểm toán độc lập - số tham chiếu 61120037/ 22631713-HN - ngày 25 tháng 3 năm 2022 của Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam)*

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Thủy sản Bến Tre (“Công ty”) và công ty con (sau đây được gọi chung là “Nhóm Công ty”), được lập ngày 25 tháng 3 năm 2022 và được trình bày từ trang 5 đến trang 31, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### **Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

2. *Báo cáo tài chính được kiểm toán/Audited financial statements* (Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán. Trường hợp theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán, công ty phải lập Báo cáo tài chính hợp nhất hoặc Báo cáo tài chính tổng hợp thì Báo cáo tài chính trình bày trong Báo cáo thường niên là Báo cáo tài chính hợp nhất hoặc Báo cáo tài chính tổng hợp đồng thời nêu địa chỉ công bố, cung cấp báo cáo tài chính của công ty mẹ: [www.aquatexbentre.com](http://www.aquatexbentre.com)/Quan hệ cổ đông/*Audited annual financial statements include: Balance sheet; Income statement; Cash flow statement; Financial Statements*

*Explanation. In case the company has to prepare consolidated or general Financial Statements in accordance with the law on accounting and audit, the Financial Statements presented in the Annual Reports shall be the consolidated Financial Statements; and clearly state the addresses where the financial statements of the parent company to be published and provided [www.aquatexbentre.com/Quan hệ cổ đông](http://www.aquatexbentre.com/Quan hệ cổ đông)).*

**Nơi nhận:**

**Recipients:**

- Như Kính gửi;
- Lưu: VT, CBTT
- Archived: VT, CBTT

**XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY  
CONFIRMATION BY THE COMPANY'S LEGAL  
REPRESENTATIVE**

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu) ✓  
(Signature, full name and seal)



**Phan Hữu Tài**  
Tổng Giám đốc